TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 22 – 5 – 2023
V/v: Chia tài sản chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương, bà Lê Thị Thanh Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 09 và 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 về việc *"Chia tài sản chung sau khi ly hôn"*; Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Thế T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn M, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi làm việc: UBND xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt);

- **Bị đơn:** Bà Đào Thị Y, sinh năm 1986; Địa chỉ: Buôn C2, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi làm việc: Trường THCS xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Trần Thế T trình bày:

Ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y kết hôn với nhau năm 2007. Ngày

27/4/2020, ông T, bà Y ly hôn theo Bản án số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 27/4/2020 của Toà án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Khi ly hôn, ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y tự thoả thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung và nợ chung mà không yêu cầu Toà án giải quyết, cụ thể như sau:

- Ông Trần Thế T được quyền quản lý và sử dụng các tài sản là nhà và đất tại thôn 1, xã C1, huyện K, Đắk Lắk cùng toàn bộ tài sản trong nhà;

- Ông T có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau:

+ Ngân hàng N – Chi nhánh K: 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh;

+ Ngân hàng C tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch K: 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh;

+ Bà Lâm Thị Thanh T: 100.000.000 đồng;

+ Ông Nguyễn D: 67.000.000 đồng.

- Bà Đào Thị Y được nhận 01 cái giường ngủ, bà Y có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Dũng 67.000.000 đồng.

Năm 2021, Ngân hàng N đã khởi kiện yêu cầu ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y trả số tiền nợ đến hạn. Tại bản tự khai ngày 26/8/2021, bà Đào Thị Y trình bày: *"Đây là tài sản chung của tôi với ông Trần Thế T khi còn đang là vợ chồng. Nhưng do mâu thuẫn nên chúng tôi yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, chúng tôi đã thoả thuận về tài sản chung, tại biên bản thoả thuận ông Trần Thế T được quyền quản lý và sử dụng tài sản trong đó có thửa đất số 25, tờ bản đồ 263 và ngôi nhà trên đất, ông T có trách nhiệm trả các khoản nợ trong đó trả cho Ngân hàng N huyện K, Đắk Lắk số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản và các khoản nợ tôi đều giao cho ông T nên đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để xử lý".*

Tổng số tiền ông Trần Thế T đã phải chi trả là 915.131.712 đồng, bao gồm các khoản sau:

- Trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh K: Tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 195.493.150 đồng;

- Trả cho Ngân hàng C tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch K: Tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 26/8/2021 là 131.164 đồng;

- Trả cho bà Lâm Thị Thanh T: 100.000.000 đồng;

- Trả cho ông Nguyễn D: 67.000.000 đồng (thực tế ông T đã trả 50.000.000 đồng, số tiền còn lại ông D không yêu cầu Toà án giải quyết);

- Trả án phí Toà án và chi phí thẩm định tài sản, nộp số tiền án phí dân sự là 12.507.398 đồng.

Ông T cho rằng số tiền ông T đã trả các khoản nợ nhiều hơn phần tài sản mà ông T được hưởng, tính tại thời điểm hiện nay, khi giá nhà đất lên cao, tổng giá trị tài sản hiện nay là 905.886.187 đồng, còn nếu tính giá trị tài sản nhà và đất tại thời điểm năm 2020 thì nhà và đất chỉ trị giá chưa tới 700.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T còn phải vay một khoản tiền lớn ở ngoài để trả cho Ngân hàng N lấy sổ đỏ về.

Cho đến nay, ông T đã thực hiện đầy đủ bản thoả thuận ngày 05/3/2020, hoàn thành nghĩa vụ trả các khoản nợ, đặc biệt là trả nợ cho Ngân hàng N thì bà Đào Thị Y không đồng ý ký sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà và đất tại thôn 1, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ông T. Vì vậy, ông T yêu cầu Toà án công nhận thoả thuận chia tài sản khi ly hôn ngày 05/3/2020 để ông được toàn quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà và đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 263, diện tích 379.6m^2, tại thôn 1, xã C1, huyện K, Đắk Lắk.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Đào Thị Y trình bày:

Bà Y đồng ý với lời trình bày của ông T về ly hôn, thoả thuận phân chia tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, bà Y không đồng ý sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà và đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 263, diện tích 379.6m^2, tại thôn 1, xã C1, huyện K, Đắk Lắk, vì sau khi thanh toán nợ ông T vẫn ở ngôi nhà đó, bà Y không tranh giành hay đòi hỏi gì khác, sau khi ký bản thoả thuận, bà Y đã dọn đi nơi khác để ở.

Về phần quyền lợi với ngôi nhà, bà Y không tranh chấp, không đòi hỏi được phân chia. Toàn quyền để cho ông T và con sử dụng. Nếu có sang tên cho ông T thì bà Y có yêu cầu hai con chung của ông T, bà Y là Trần Đào Gia N và Trần Thế H phải có phần trong ngôi nhà đó. Nếu ông T bán, tặng, sang nhượng cho người khác thì phải chia làm 3 phần: cho ông T và 2 đứa con, phần của các con sẽ được làm thẻ tiết kiệm gửi Ngân hàng dưới sự bảo hộ của bố và mẹ giám sát quản lý. Nếu không thì chia đôi khoản nợ ngân hàng mà ông Trần Thế T đã trả, bà Y sẽ thanh toán lại một nửa để giữ lại tài sản chung cho hai con của ông T, bà Y ở và có quyền lợi như nhau trong phần tài sản chung đó.

***Tại biên bản xác minh ngày 22/9/2022, đại diện Ngân hàng C tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho biết*:**

Ngày 25/12/2017, bà Đào Thị Y có vay của Ngân hàng C tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch K số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 9%/năm. Ngày 26/8/2021, mặc dù chưa đến hạn trả nợ nhưng ông Trần Thế T đã thanh toán cả số tiền nợ gốc và tiền lãi đến ngày 26/8/2021 tổng cộng là 40.131.164 đồng.

Tại công văn ngày 15/11/2022, Ngân hàng N – Chi nhánh K, Đắk Lắk cho biết:

Ngày 13 và 16/4/2018, bà Đào Thị Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 5205LAV201801243 ngày 16/4/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 240937977/HĐTC ngày 13/4/2018 với Ngân hàng N – Chi nhánh K để vay số tiền 500.000.000 đồng, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 298207 do UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/01/2017, bà Đào Thị Y là người đại diện cho ông Trần Thế T. Đến nay, tổng số tiền ông Trần Thế T và ông Trần Thế T1 (bố của ông Trần Thế T) đã trả cho Ngân hàng bao gồm cả gốc và lãi là 695.493.150 đồng và khoản vay này đã được xoá thế chấp.

Tại bản tự khai ngày 16/11/2022, ông Trần Thế T1 trình bày:

Tôi là cha đẻ của ông Trần Thế T, ngày 27/01/2022, tôi có trả thay cho con trai tôi là Trần Thế T tổng cộng số tiền gốc và lãi là 199.876.712 đồng cho Hợp đồng tín dụng số 5205LAV201801243 ngày 16/4/2018 tại Ngân hàng N – Chi nhánh K. Tôi chỉ trả giùm cho con trai tôi, tôi không có yêu cầu gì. Tôi không đề nghị Toà án giải quyết về số tiền này.

***Tại bản tự khai ngày 21/12/2022, bà Lâm Thị Thanh T trình bày*:**

Trước đây, tôi có cho ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y vay số tiền là 100.000.000 đồng. Năm 2020, ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y ly hôn đã thoả thuận ông Trần Thế T có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 100.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi. Đến nay, ông Trần Thế T đã trả cho tôi số tiền 100.000.000 đồng nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết về số nợ trên.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2022, ông Nguyễn D trình bày:

Trước đây, tôi có cho ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y vay số tiền là 134.000.000 đồng. Năm 2020, ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y ly hôn đã thoả thuận ông Trần Thế T có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 67.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi.

Đến nay, bà Đào Thị Y đã trả hết cho tôi số tiền 67.000.000 đồng còn ông Trần Thế T đã trả cho tôi số tiền 50.000.000 đồng, ông Trần Thế T còn nợ tôi số tiền 17.000.000 đồng. Tuy nhiên, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 26/9/2022 tại cấp sơ thẩm xác định:

Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 263, diện tích 379.6m^2 tại thôn 1, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 298207 ngày 17/01/2017 cho ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y có giá trị: 525.000.000 đồng.

Các tài sản trên đất trị giá 380.481.937 đồng, bao gồm: Cây trồng trên đất; nhà ở, sân, tường rào, cổng, cửa cổng, giếng đào. Sân sau trị giá 404.250 đồng.

Tổng giá trị vật kiến trúc trên đất sau khi đã khấu hao: 380.886.187 đồng.

Tổng tài sàn nhà và đất là 905.886.187 đồng.

Tại với Bản án sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Điều 39 và Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế T.

Giao toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 263, tại thôn 1, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ông Trần Thế T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2023, bị đơn bà Đào Thị Y có kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời, các đương sự không tự hòa giải được

với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy việc thoả thuận giữa ông T và bà Y về việc phân chia tài sản khi ly hôn là tự nguyện, nội dung thoả thuận không trái pháp luật nên cần công nhận nên ông T khởi kiện bà Y yêu cầu bà Y sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo thoả thuận là có căn cứ. Đối với kháng cáo của bà Y yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn thì thấy yêu cầu này không đúng phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, đồng thời bà Y cũng không có yêu cầu phản tố đề nghị chia tài sản chung. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không tính án phí có giá ngạch là thiếu sót. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Y, sửa Bản án sơ thẩm của Toà án nhân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Đào Thị Y, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ngày 27/4/2020 thì ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y ly hôn theo Bản án số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 27/4/2020 của Toà án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk.

Khi ly hôn, ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y tự thoả thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung và nợ chung mà không yêu cầu Toà án giải quyết, theo đó ông Trần Thế T được quyền quản lý và sử dụng các tài sản là đất và các tài sản gắn liền với đất tại thôn 1, xã C1, huyện K, Đắk Lắk. Bên cạnh đó, ông T có nghĩa vụ

trả các khoản nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh K, Ngân hàng C tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện K, bà Lâm Thị Thanh T và ông Nguyễn .

Năm 2021, Ngân hàng N – Chi nhánh K, Đắk Lắk đã khởi kiện yêu cầu ông Trần Thế T và bà Đào Thị Y trả số tiền nợ đến hạn. Tại bản tự khai ngày 26/8/2021, bà Đào Thị Y trình bày: *"Đây là tài sản chung của tôi với ông Trần Thế T khi còn đang là vợ chồng. Nhưng do mâu thuẫn nên chúng tôi yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, chúng tôi đã thoả thuận về tài sản chung, tại biên bản thoả thuận ông Trần Thế T được quyền quản lý và sử dụng tài sản trong đó có thửa đất số 25, tờ bản đồ 263 và ngôi nhà trên đất, ông T có trách nhiệm trả các khoản nợ trong đó trả cho Ngân hàng N huyện K, Đắk Lắk số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản và các khoản nợ tôi đều giao cho ông T nên đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để xử lý".* Như vậy, bà Y đã khẳng định bà đã giao toàn bộ tài sản cho ông T nên ông T phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ như đã cam kết tại Biên bản thoả thuận về việc phân chia tài sản chung ngày 05/3/2020.

Sau khi ly hôn, ông T đã thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng C tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện K, bà Lâm Thị Thanh T, ông Nguyễn D và được Ngân hàng, bà T, ông D xác nhận đã trả nợ tại các bút lục số 56, 109, 110. Số tiền ông T còn nợ ông Nguyễn D là 17.000.000 đồng, ông D không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét để giải quyết và coi như đây là thoả thuận riêng của ông Nguyễn D và ông Trần Thế T. Đồng thời, đến tháng 5/2022, ông Trần Thế T cũng đã trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh K với số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh là 195.493.150 đồng, tổng cộng là 695.493.150 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông Trần Thế T đã phải chi trả cho các khoản nợ là 915.131.712 đồng.

Tuy nhiên, xét thấy việc bà Y đề nghị Hội đồng xét xử khấu trừ số tiền 67.000.000 đồng mà bà Y đã trả nợ cho ông Nguyễn Dũng là có căn cứ nên cần xác định tổng giá trị tài sản mà ông T đã dùng để trả nợ là 848.131.712 đồng mới là phù hợp. Như vậy, tổng giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T, bà Y còn lại sau khi thanh toán các khoản nợ chung là 57.754.475 đồng.

Do đó, ông T đã tự nguyện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như đã thoả thuận với bà Y nên ông T được thực hiện các quyền mà các bên đã thoả thuận.

Vì vậy, ông Trần Thế T yêu cầu được toàn quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 263 tại thôn 1, xã C1,

huyện K, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ, phù hợp với sự thoả thuận giữa ông T, bà Y và quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Do ông T được toàn quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 263 tại thôn 1, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên ông T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Y số tiền 28.877.237 (làm tròn 28.878.000) đồng.

Từ những phân tích, nhận định trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đào Thị Y.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Trần Thế T đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.500.000 đồng. Bà Đào Thị Y có trách nhiệm trả cho ông Trần Thế T số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.500.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Y phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là chưa chính xác vì đây là tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn nên cần áp dụng mức tính án phí dân sự có giá ngạch. Cụ thể, bà Y phải chịu 19.588.292 (làm tròn 19.589.000) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu 19.589.000 đồng, được khấu trừ số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0013210 ngày 16/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Vậy, ông T còn phải nộp 7.589.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Đào Thị Y được chấp nhận một phần nên bà Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đào Thị Y số tiền 300.000 đồng bà Y đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0013352 ngày 14/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đào Thị Y.

Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 48, 271, 273, 278 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 35, 37, 38, 39 và 40 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế T.

Giao toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 263, diện tích 379.6m^2, tại thôn 1, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ông Trần Thế T.

Ông Trần Thế T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản trên đất đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 263, diện tích 379.6m^2, tại thôn 1, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mang tên mình.

Ông Trần Thế T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Y số tiền 28.878.000 (Hai mươi tám triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đào Thị Y có trách nhiệm trả cho ông Trần Thế T số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đào Thị Y phải chịu 19.589.000 (Mười chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Thế T phải chịu 19.589.000 (Mười chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0013210 ngày 16/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, ông T còn phải nộp 7.589.000 (Bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đào Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đào Thị Y số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Y đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0013352 ngày 14/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hánh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức